

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HS-ST
Ngày 11 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sĩ Mạnh

Bà Phan Thị Minh Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Vũ Thế L, sinh ngày 26/01/1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số nhà 12/181, đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thế T và bà Lưu Thị L1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 18/4/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- **Bị hại:** Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1972. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Chùa T, thuộc thôn 4, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Vũ Thế T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 14/4/2023, Vũ Thế L điều khiển xe ô tô taxi Biển kiểm soát:15A-515.66 của Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải A, chở hai bác họ đến chùa T ở Thôn 4, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng để cúng 100 ngày bà ngoại; bố mẹ L đi xe mô tô đến chùa trước đó. Đến nơi, L cùng gia đình sắp lễ cúng khoảng gần 01 tiếng, sau đó cả gia đình ngồi cúng trong chùa thì L đi dạo ngắm cảnh. Khi đi qua phòng ngủ tại tầng hai của sư thầy trụ trì chùa là bà Đỗ Thị L (pháp danh Thích Diệu T1), L thấy cửa phòng không khóa nên mở cửa vào trong phòng, dùng điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI bật đèn lên, phát hiện dưới gầm giường có 01 chiếc rổ nhựa màu hồng, bên trong có 01 tập tiền lẻ ở giữa hai bên là tập lì xì. Trong phòng không có ai, L nảy sinh ý định trộm cắp tiền để chi tiêu cá nhân, L lấy 35 chiếc bao lì xì và một ít tiền lẻ cất vào túi áo khoác đang mặc, sau đó đi xuống tầng một. Khi xuống tầng một, L thấy cửa phòng nghỉ của sư thầy không khóa, L mở cửa vào trong phòng không có ai, L phát hiện trên mặt bàn có 01 túi nilon màu trắng bên trong có 01 tập tiền, L lấy cất vào túi quần đang mặc. Sau đó L vào trong xe ô tô Biển kiểm soát 15A-515.66 bóc lì xì và kiểm đếm tiền. L mở 01 bao lì xì thấy có 01 tập tiền đều mệnh giá 500.000 đồng với tổng số là 10.000.000 đồng, L cất vào túi quần phía sau đang mặc; tiếp tục mở 02 lì xì khác thì thấy tiền ngoại tệ, trong đó 01 bao lì xì có 25 tờ tiền, mỗi tờ đều mệnh giá 20 Bảng Anh, 01 bao lì xì có 01 tờ tiền mệnh giá 100 Đô la Australia (Úc), L vẫn để tiền trong bao lì xì và tiếp tục mở các bao lì xì còn lại lấy toàn bộ tiền ra. L xếp gọn tổng số tiền trộm cắp được là 94.866.000 đồng và 02 bao lì xì có tiền ngoại tệ nêu trên cho vào túi nilon màu trắng, rồi cất vào capô xe ô tô. L mang 33 vỏ bao lì xì vứt vào trong bao rác ở khu vực tập kết rác vật liệu của chùa, rồi đi vào chùa chơi. Khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, bà L đi cúng về đến chùa thì được các cháu nhỏ là trẻ mồ côi sống trong chùa cho biết L vào phòng nghỉ của bà L. Thấy vậy bà L vào phòng kiểm tra thì phát hiện mất số tiền nêu trên. Bà L cùng gia đình L hỏi nhưng L không thừa nhận hành vi trộm cắp nên bà L trình báo sự việc đến Công an xã D; khi cơ quan công an đến làm việc, L đã thừa nhận hành vi trộm cắp tiền của bà L.

Cùng ngày, Công an xã D tiến hành thu giữ: Số tiền 10.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus trên người Vũ Thế L; thu giữ 01 túi nilon màu trắng bên trong có 94.866.000 đồng, 01 bao lì xì có 25 tờ tiền, mỗi tờ đều mệnh giá 20 Bảng Anh và 01 bao lì xì có 01 tờ tiền mệnh giá 100 Đô la Australia (Úc), ở góc bên phải dưới nắp capô của xe ô tô Biển kiểm soát: 15A-515.66; thu giữ 33 vỏ bao lì xì trong bao rác ở khu vực tập kết rác vật liệu xây dựng của chùa; thu giữ 01 ví da, bên trong có 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Vũ Thế L và số tiền 4.779.000 đồng của Vũ Thế L; thu giữ 01 xe ô tô Biển kiểm soát :15A-515.66.

Tại kết luận giám định số 3359 ngày 15/5/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: 25 tờ tiền Bảng Anh, mỗi tờ đều có mệnh giá 20GBP là các tờ tiền Bảng Anh thật; 01 tờ tiền Đô la Australia mệnh giá 100AUD là tờ tiền Đô la Australia thật.

Tại Công văn số 879 ngày 26/5/2023 của Chi nhánh thành phố Hải Phòng - Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho biết: Tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với ngoại tệ để xác định trị giá tính thuế được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng cho ngày 14/4/2023 là: 01 Bảng Anh = 29.344,74 đồng; 01 Đô la Úc = 15.718,21 đồng.

Quá trình điều tra, Vũ Thế L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Bị hại Đỗ Thị L khai: Bà trụ trì chùa T thuộc thôn 4, xã D, huyện K và chùa T thuộc thôn H, xã T, huyện K, ngoài ra bà còn trụ trì một số chùa khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 14/4/2023, bà đi cúng về đến chùa T thì thấy cháu Vũ Xuân T2 (là trẻ mồ côi được chùa nuôi dưỡng) nói cho bà biết, cháu có nhìn thấy người thanh niên đeo kính vào phòng ngủ của bà, đồng thời cháu chỉ người đó cho bà biết, bà nhận ra L, vì L đã cùng gia đình đến chùa lễ nhiều lần. Bà vào phòng ngủ kiểm tra thấy mất 35 chiếc bao lì xì, bên trong có tiền và một ít tiền lẻ ngoài lì xì mà bà để trong chiếc rổ nhựa màu hồng ở dưới gầm giường và kiểm tra trong phòng nghỉ của bà phát hiện bị mất tài sản như nội dung nêu trên. Bà xác định 104.866.000 đồng, 500 Bảng Anh, 100 Đô la Úc, tổng cộng 121.110.191 đồng thuộc quyền sở hữu của cá nhân bà, không phải là tiền chung của chùa. Sau khi sự việc bị phát hiện, L đã giao nộp lại toàn bộ tài sản mà L trộm cắp cho Cơ quan công an và Cơ quan công an đã trả lại tài sản cho bà đầy đủ. L thấy hối hận và cùng người thân trong gia đình đến xin lỗi bà. Bà đề nghị cơ quan pháp luật xem xét cho L được hưởng hình phạt nhẹ nhất, giúp L có cơ hội sửa sai; khắc phục lỗi lầm, hướng thiện.

Về vật chứng: Ngày 20/4/2023 và ngày 24/5/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại 104.866.000 đồng tiền Việt Nam; 25 tờ tiền, mỗi tờ đều mệnh giá 20 Bảng Anh; 01 tờ tiền mệnh giá 100 Đô la Úc; 01 túi nilon màu trắng và 35 vỏ bao lì xì cho bà Đỗ Thị L là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 24/5/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI cho ông Vũ Thế T; trả lại 01 xe ô tô Biển kiểm soát:15A-515.66 cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải A; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, 01 ví da, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Vũ Thế L và 4.779.000 đồng cho Vũ Thế L, là những chủ sở hữu hợp pháp không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu Vũ Thế L bồi thường và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho L.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị

cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra bị cáo khai: Bị cáo lái xe Taxi của Công ty, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Đã nhiều lần, bị cáo chở người thân trong gia đình đến lễ tại chùa T, mỗi khi đến chùa, bị cáo thường ngắm cảnh chùa. Sáng ngày 14/4/2023, bị cáo cũng chở người thân đến Chùa để cúng, sau khi sắp lễ xong, bố bị cáo (là ông T) đưa điện thoại HUAWEI của bố bị cáo nhờ bị cáo cầm hộ để bố bị cáo cùng mọi người lễ, bị cáo mang theo điện thoại đi ngắm chùa và vào phòng ngủ của Sur L mục đích để xem đồ vật trong phòng, bị cáo chưa có ý định trộm cắp tài sản, khi bị cáo nhìn thấy tiền, trong phòng không có ai, bị cáo mới nảy sinh lấy trộm để chi tiêu cá nhân. Trước, trong khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không bàn bạc với ai, không ai xúi giục bị cáo. Toàn bộ số tiền 104.866.000 đồng, 500 Bảng Anh, 100 Đô la Úc, tổng cộng 121.110.191 đồng của Sur L là do một mình bị cáo trộm cắp, ngoài ra không có ai. Sau khi bị cáo lấy được tiền thì mẹ bị cáo và Sur L hỏi bị cáo có lấy tiền của Sur không, do xấu hổ, bị cáo không dám nhận, khi Công an xã D đến làm việc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ sự việc và giao nộp lại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã lấy, đồng thời Công an thu giữ tài sản, đồ vật như nội dung nêu trên. Ngay sau đó, bị cáo thấy rất ân hận đã xin lỗi Sur L. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người làm chứng Vũ Thế T khai phù hợp với nội dung nêu trên, phù hợp với lời khai của bị cáo, ngoài ra ông khai: Ông là bố đẻ bị cáo, sáng ngày 14/4/2023, gia đình ông có đến chùa T ở Thôn 4, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng để cúng 100 ngày mẹ vợ ông. Sau khi sắp lễ xong, ông cùng gia đình lễ, bị cáo không lễ nên ông có nhờ bị cáo cầm giúp điện thoại HUAWEI thuộc quyền sở hữu của ông. Khi sự việc bị phát hiện, ông mới biết bị cáo đã sử dụng điện thoại của ông vào việc phạm tội. Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho ông còn nguyên vẹn, ông không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS-KT, ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Vũ Thế L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật như trên. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thế L từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đang ở cùng chăm sóc bố mẹ già, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được, Kết luận giám định và nội dung bản Cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 14/4/2023 tại chùa T ở thôn 4, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng; Vũ Thế L lén lút chiếm đoạt tổng số tiền 121.110.191 đồng của bà Nguyễn Thị L. Như vậy bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự; tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 121.110.191 đồng (trong khoảng từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng) quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, được xác định là tình tiết định khung hình phạt. Do đó bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đúng như Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị tại phiên tòa.

[3] Tính chất vụ án nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo để phòng ngừa tội phạm.

[4] Nhân thân bị cáo: Chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ và có bà nội được tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Do đó không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập trung bình từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng nhưng đang chung sống cùng bố mẹ để đều là người cao tuổi, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản mà bị cáo đã trộm cắp cho bà Đỗ Thị L (chủ sở hữu hợp pháp) là đúng pháp luật. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI mà bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Thế T (bố đẻ bị cáo) nhưng ông T không cho bị cáo mượn để sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T là phù hợp. Đối với xe ô tô Biển kiểm soát: 15A-515.66 mà bị cáo đã điều khiển và sử dụng để cất giấu tài sản trộm cắp thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải A nhưng Công ty không biết bị cáo đã sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra còn chiếc điện thoại Iphone 7Plus, 01 ví da, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Vũ Thế L và 4.779.000 đồng thuộc quyền sở hữu của bị cáo nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là đúng pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136

của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thế L: 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự như sau: “Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PC 10; PV 06;
- UBND phường Đ, quận H, TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Sĩ Mạnh Phan Thị Minh
Phương**

Vũ Thị Diệu

